VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 43/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 7 năm 2025 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(Tiếp theo Công báo số 1029 + 1030)

Mẫu 26

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên giá đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án *[Mục 12, 13]*									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			8

Tiêu chí đánh giá	*Chuyên giá đánh giá*					Hệ số	*Điểm*	∑	*Điểm tối đa*
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.2. Nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]*									20
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ *[Mục 13, 18]*									12
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án *[Mục 13.3, 13.5, 19 và phụ lục 9]*									12
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			

Tiêu chí đánh giá	*Chuyên giá đánh giá*					Hệ số	*Điểm*	∑	*Điểm tối đa*
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 18]*	☐	☐	☐	☐	☐	4			16
3.6. Phương án tài chính *[Mục 13.4, 16.4, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]*									16
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3.7. Năng lực thực hiện *[Mục 11, 13.4, 16 và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]*									16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp									**100**

<u>Ghi chú:</u> Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 11 của Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước)

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 27

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: *Tên tổ chức:* *Họ và tên cá nhân:*	
1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

TT	**Ủy viên**	**Nhóm tiêu chí đánh giá**							**Tổng số điểm**
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7[1]	
1	Ủy viên thứ nhất								
2	Ủy viên thứ hai								
3	Ủy viên thứ ba								
4	.....								
5									
6									
7									
8									
9									
	Tổng số điểm trung bình								

[1] Tiêu chí này dành cho dự án sản xuất thử nghiệm

TT	Ủy viên	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Phù hợp	Không phù hợp
1	Chủ tịch		
2	Phó Chủ tịch		
3	Ủy viên phản biện 1		
4	Ủy viên phản biện 2		
5	Ủy viên		
6	.....		
7			
8			
9			
....	.....		

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1	**Thành viên thứ 2**	**Trưởng ban kiểm phiếu**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ

Tên nhiệm vụ:

.....

.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ
1			Số.... phù hợp/..... Không phù hợp[2] (trong đó có.... ủy viên phản biện đánh giá phù hợp)
2			
...	.....	.....	

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1	**Thành viên thứ 2**	**Trưởng ban kiểm phiếu**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

[2] Số ủy viên hội đồng đánh giá phù hợp/Số ủy viên đánh giá không phù hợp

Mẫu 28

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20..*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ KHCN:

.....

.....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số...../QĐ-BNNMT... ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Địa điểm và thời gian: ……....., ngày ...../..... /20...

4. Thành viên Hội đồng

a) Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên...../.....người.

b) Số thành viên Hội đồng vắng mặt..... người, gồm:

.....

.....

5. Đại biểu tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG *(ghi chép của Thư ký khoa học):*

.....

.....

.....

.....

(Chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự tại phụ lục kèm theo)

III. BỎ PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Hai thành viên: .....

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định tại Thông tư số …/2025/TT-BNNMT ngày .../…/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển nhiệm vụ KHCN nêu trên:

Tên tổ chức: .....

Họ và tên cá nhân:.....

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

(1) Tên nhiệm vụ:

(2) Mục tiêu nhiệm vụ:

(3) Các nội dung chính cần thực hiện:

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ:

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện:

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☐

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng dự toán kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Dự kiến kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng

3. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

Hội đồng đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC *(Họ, tên và chữ ký)*	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** *(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ ĐẠI BIỂU

(Thư ký khoa học ghi đầy đủ ý kiến của từng thành viên Hội đồng và đại biểu dự họp)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 29

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BNNMT	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20....*

THÔNG BÁO

Kết quả của Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BNNMT ngày..... tháng... .năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện năm..... thuộc lĩnh vực/chương trình.....;

Căn cứ kết quả họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ ngày…… tháng.... năm..... theo Quyết định thành lập Hội đồng số ……./QĐ-BNNMT ngày..... tháng..... năm 20..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Biên bản họp Hội đồng kèm theo),

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả của Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN như sau:

1. Tên nhiệm vụ KHCN đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp: tại Phụ lục kèm theo.

2. Nội dung cần hoàn thiện: chi tiết tại Biên bản họp Hội đồng.

3. Thời hạn nộp lại Hồ sơ:

Trong thời hạn 07 ngày tính từ ngày ký thông báo này, tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN được kiến nghị trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ đúng quy định, báo cáo giải trình theo Mẫu 30 ban hành theo Thông tư này và nộp qua Hệ thống quản lý KHCN của Bộ (địa chỉ https://khcn.monre.gov.vn).

Quá thời hạn trên, tổ chức, cá nhân được kiến nghị trúng tuyển không hoàn thiện và nộp hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ hủy kết quả tuyển chọn theo quy định.

Tài khoản và mật khẩu đăng nhập Hệ thống quản lý KHCN của Bộ: được cung cấp theo số điện thoại và email của cá nhân đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN được ghi tại thuyết minh.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến (để b/c);
- Các tổ chức đăng ký chủ trì;
- Văn phòng Bộ (để đăng tải lên Cổng TTĐT);
- Lưu VT. KHCN. .....

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục

Tên nhiệm vụ KHCN đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

(Kèm theo Thông báo số /TB-BNNMT ngày…… tháng…... năm.... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tên tổ chức/cá nhân được kiến nghị trúng tuyển	Tên tổ chức/cá nhân không được kiến nghị trúng tuyển
1.			
2.			
3.			
4.			

Mẫu 30

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20….

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Quyết định số ……/QĐ-BNNMT ngày….. tháng…..năm 20… về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ cấp bộ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ ngày….. tháng….. năm 20…;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, khách mời tham dự và nhưng nội dung chỉnh sửa bổ sung khác[1] (nếu có) như sau:

1. Tên nhiệm vụ KHCN:

2. Ý kiến kết luận của Hội đồng tuyển chọn

TT	**Ý kiến của Hội đồng**	**Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì** (ghi rõ nội dung tiếp thu chi tiết)	**Ghi chú**
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
…	….		

3. Ý kiến của từng thành viên Hội đồng và các đại biểu

TT	**Ý kiến của từng thành viên Hội đồng và các đại biểu**	**Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì** (ghi rõ nội dung tiếp thu chi tiết)	**Ghi chú**
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
…	….		

[1] Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng và đại biểu thì giải trình.

4. Ý kiến bảo lưu của chủ nhiệm và tổ chức chủ trì

TT	Ý kiến bảo lưu	Giải trình lý do xin bảo lưu	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
…	….		

5. Các nội dung bổ sung mới

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ [2]
(Ký ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, ký và đóng dấu)

Ý kiến xác nhận của đại diện Hội đồng [3]

Ủy viên phản biện 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ủy viên phản biện 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

[2] Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm nộp hồ sơ trên Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ của Bộ: https://khcn.monre.gov.vn/NhiemVuKHCN/Lists/HoiDong/BaoCaoHoanThienTuyenChon.aspx.

[3] Trường hợp không thể ký trực tiếp vào Báo cáo giải trình, thành viên sử dụng chữ ký scan và gửi vào email của Vụ Khoa học và Công nghệ: vukhcn@mae.gov.vn.

Mẫu 31

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KHCN):

.....

.....

Mã số..... *(nếu có)*

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định kinh phí:

- Địa điểm: .....
- Thời gian:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

Vắng mặt: người; Họ và tên: .....

6. Đại biểu tham dự:

.....

.....

.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM ĐỊNH *(ghi chép của Thư ký):*

.....

.....

.....

.....

(Chi tiết ý kiến của các thành viên Tổ thẩm định và đại biểu tham dự tại phụ lục kèm theo)

III. KẾT LUẬN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ NHIỆM VỤ

1. Về dự toán kinh phí:

.....

.....

.....

2. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ:

.....

3. Về tổng kinh phí cần thiết:..... *triệu đồng*

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... *triệu đồng*
- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:..... *triệu đồng*

4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung các khoản chi**	**Tổng kinh phí**	**Ngân sách nhà nước**		**Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước**	**Ghi chú**
			Kinh phí	**Kinh phí khoán chi theo quy định**		
1	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
2	Kinh phí thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
3	Nguyên vật liệu, năng lượng					
4	Thiết bị, máy móc					
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
6	Chi khác: *Trong đó: chi đoàn ra*					
	Tổng cộng					

IV. KIẾN NGHỊ

1. Phương thức thực hiện:

☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng *(trong đó kinh phí thuê chuyên gia:.....).*

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán:..... *triệu đồng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:.....);*

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:..... *triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

.....

Biên bản được lập xong lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua./.

Tổ trưởng *(Họ, tên và chữ ký)*	**Tổ phó** *(Họ, tên và chữ ký)*

Thành viên	**Thành viên**	**Thành viên**

CHI TIẾT CÁC Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

(Thư ký Tổ thẩm định ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)

.....

.....

.....

.....

THƯ KÝ TỔ THẨM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 32

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày.... tháng.... năm 20…

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BNNMT ngày.... tháng.... năm 20… về việc phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

Căn cứ Quyết định số …../QĐ-BNNMT ngày.... tháng.... năm 20… về việc thành lập Hội đồng KHCN cấp Bộ tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí ngày.... tháng.... năm 20…;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí và khách mời tham dự như sau:

TT	Ý kiến của Tổ Thẩm định và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
…	….		

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

Mẫu 33

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BNNMT	*Hà nội, ngày.... tháng... năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 26/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư .../2025/TT-BNNMT ngày ..../..../202… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số ……./QĐ-BNNMT ngày ..../..../202… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 202…;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được thành lập tại Quyết định số ……/QĐ-BNNMT ngày.... tháng.... năm 20… của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ

1. Phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm, dự toán kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ bắt đầu thực hiện từ năm 20..... Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

2. Giao Thủ trưởng tổ chức chủ trì ký thuyết minh và dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 Điều này nộp về Bộ để làm cơ sở ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức chủ trì nhiệm vụ nêu tại Điều 1 hoàn thiện thủ tục để ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng
- Lưu: VT,…

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 20.....

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày.... tháng.... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên/Mã số đề tài	Tổ chức chủ trì/ Chủ nhiệm nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm chính	Kinh phí (*Triệu đồng*)	Phân kỳ kinh phí	Thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu...../ 20260101001	Viện.../TS. Đỗ ...	Mục tiêu 1: Mục tiêu 2 ...	- Sản phẩm chính 1: - Sản phẩm chính 2: - Sản phẩm chính n:	- Tổng kinh phí thực hiện đề tài:…. triệu đồng (Bằng chữ: …..). Trong đó: + Ngân sách nhà nước:….. triệu đồng (Bằng chữ:….triệu đồng); + Nguồn ngân sách khác: .... triệu đồng; - Phương thức khoán chi: Khoán từng phần, trong đó: + Kinh phí khoán: …. triệu đồng (Bằng chữ:…… triệu đồng); + Kinh phí không khoán:…. triệu đồng (Bằng chữ:… triệu đồng).	***Năm thứ nhất:*** triệu đồng (Bằng chữ:… triệu đồng; trong đó: + Kinh phí khoán:… triệu đồng (Bằng chữ:… triệu đồng); + Kinh phí không khoán:…. triệu đồng (Bằng chữ:…triệu đồng). ***Năm thứ hai:*** triệu đồng (Bằng chữ:… triệu đồng; trong đó: + Kinh phí khoán:…. triệu đồng (Bằng chữ:… triệu đồng); + Kinh phí không khoán:… triệu đồng (Bằng chữ:…triệu đồng). … Năm thứ n:….	202...-202

Mẫu 34

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày……tháng….. năm 20.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
(*Trước 30/5 và 30/11 hàng năm*)

Nhận ngày
…./…./20…..

Kỳ: …….

Nơi nhận báo cáo:

1. Vụ Khoa học và Công nghệ:
2. Vụ Kế hoạch - Tài chính:

1.	**Tên nhiệm vụ:** .... Mã số:..... Thuộc: - Chương trình: ……..… - Độc lập: ☐ - Khác (nêu cụ thể):…….	2.	Ngày báo cáo .../ ..../20... Kỳ: .....
3.	**Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:**		
	Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
4.	Thời gian thực hiện: ..... tháng từ ..... /…../20….. đến ... /..../20….		
5.	Tổng kinh phí thực hiện: ..... ……..triệu đồng Kinh phí từ NSNN: ……... ……..triệu đồng Kinh phí từ nguồn khác:…….. triệu đồng		
6.	Phương thức thực hiện nhiệm vụ: - Khoán từng phần: ☐ - Khoán đến sản phẩm cuối cùng: ☐		
7.	Tình hình thực hiện các nội dung, công việc chính (theo nội dung và tiến độ ghi trong Hợp đồng nhiệm vụ)		

Theo kế hoạch trong hợp đồng	**Thực hiện (đánh dấu"X" vào các cột tương ứng**		
	Hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện
7.1. Các nội dung công việc theo kế hoạch phải hoàn thành trong kỳ báo cáo			
7.1.1.Nội dung 1: a)…….. b)……...			

	7.1.2. Nội dung 2: a)…… b)……			
	7.1.3. Nội dung 3: a)…… b)……			
	7.1.4. Nội dung 4: a)…… b)……			
	7.2. Tổng nội dung, công việc phải hoàn thành từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo			
	7.2.1. Nội dung 1:			
	7.2.2. Nội dung 2:			
	7.2.3. Nội dung 3:			
	7.2.4. Nội dung 4:			

8.	Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu trong kỳ báo cáo : Đánh giá các điểm chính về: **số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và các vấn đề khác** *(tình hình hợp tác quốc tế, phối hợp thực hiện,..)*

9.	**Tình hình sử dụng kinh phí tính đến ngày báo cáo, cụ thể:**

9.1. Nguồn từ ngân sách Nhà nước:	…….... …. triệu đồng
9.1.1. Tổng kinh phí được cấp từ đầu đến đến hết kỳ báo cáo:	
Trong đó:	
+ Trước kỳ báo cáo:	……..... triệu đồng
+ Trong kỳ báo cáo:	……..…. triệu đồng
9.1.2. Kinh phí đã chi cho các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo:	……... triệu đồng
Trong đó:	
+ Phần kinh phí được giao khoán:	…..……. triệu đồng
+ Kinh phí không giao khoán:	……..……. triệu đồng
9.1.3. Kinh phí đã ứng chi cho các nội dung , công việc đang triển khai:	……..…. triệu đồng
9.1.4. Kinh phí chưa sử dụng:	
9.1.5. Kinh phí đã được đơn vị quản lý kinh phí kiểm tra xác nhận quyết toán từ đầu đến kỳ báo cáo:	……..…..... triệu đồng
Trong đó:	
+ Phần kinh phí được giao khoán:	……....…. triệu đồng
+ Kinh phí không giao khoán:	……..……. triệu đồng
9.1.6. Kinh phí đề nghị xác nhận quyết toán trong kỳ báo cáo:	
9.2. Nguồn khác:	……..……. triệu đồng
9.2.1. Kinh phí đã chi cho các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo:	……..……. triệu đồng
9.2.2. Kinh phí đã ứng chi cho các nội dung, công việc đang triển khai:	……..…..... triệu đồng
9.2.3. Kinh phí đã được đơn vị quản lý kinh phí kiểm tra xác nhận từ đầu đến kỳ báo cáo:	……..……. triệu đồng

10.	**Kinh phí mua sắm tài sản, thiết bị trong kỳ báo cáo: ……..….. triệu đồng**

STT	*Tên tài sản, thiết bị*	*Nước sản xuất*	*Tháng/năm đưa vào sử dụng*	*Số hiệu tài sản*	*Đơn vị tính (cái, chiếc)*	*Số lượng*	*Đơn giá tài sản (VN đồng)*	*Tổng tiền (VN đồng)*
10.1.								
10.2.								
…….								
Tổng								

11.	**Những vấn đề tồn tại cần giải quyết**
12.	**Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới**
13.	**Kiến nghị**

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 35

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày…… tháng….. năm 20.....

BÁO CÁO
NỘI DUNG KHOA HỌC, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
(Phục vụ kiểm tra, đánh giá)

Nơi nhận báo cáo:

1. Vụ Khoa học và Công nghệ
2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

<table>
<tr><td>1.</td><td>Tên nhiệm vụ:
.....
.....
.....
Mã số:.....
Thuộc:
- Chương trình: ……..…
- Độc lập: ☐
- Khác (nêu cụ thể):…….</td><td>2.</td><td>Ngày báo cáo
.../ ..../20..</td></tr>
<tr><td>2.</td><td colspan="3">Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ: ……..</td></tr>
<tr><td>3.</td><td colspan="3">Chủ nhiệm nhiệm vụ: .....</td></tr>
<tr><td>4.</td><td colspan="3">Phương thức thực hiện nhiệm vụ:
- Khoán từng phần: ☐
- Khoán đến sản phẩm cuối cùng: ☐</td></tr>
<tr><td rowspan="7">5.</td><td colspan="3">Báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện (đến thời điểm kiểm tra, đánh giá)</td></tr>
<tr><td rowspan="2"></td><td colspan="2" rowspan="2">Đánh giá về mức chất lượng nội dung nghiên cứu</td></tr>
<tr><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Theo hợp đồng</td><td>Thực hiện</td><td>Ghi chú</td></tr>
<tr><td>5.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5.1.1. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch trong kỳ báo cáo</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>a) Nội dung 1:
……
- ……
- ……
……..</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

	b) Nội dung 2: …… - …… .. - …… ……..			
	5.1.2. Các nội dung công việc hoàn thành vượt mức theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo			
	a) Nội dung 1: …… - …… .. - ……			
	b) Nội dung 2: …… - …… .. - ……			
	5.2. Các nội dung công việc đã hoàn thành theo kế hoạch			
	5.2.1. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo			
	a) Nội dung 1: …… - …… .. - ……			
	b) Nội dung 2: …… - …… .. - ……			
	5.2.2. Các nội dung công việc hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo			
	a) Nội dung 1: …… - …… .. - ……			
	b) Nội dung 2: …… - …… .. - ……			
	5.3. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch	Lý do		
	5.3.1. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch trong kỳ báo cáo			
	a) Nội dung 1: …… - …… .. - ……			

	b) Nội dung 2: …… - …… .. - ……	
	5.3.2. Các nội dung công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch từ khi ký hợp đồng đến kỳ báo cáo	
	a) Nội dung 1: …… - …… .. - ……	
	b) Nội dung 2: …… - …… .. - ……	
6.	**Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu trong kỳ báo cáo: Đánh giá các điểm chính về: *số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và các vấn đề khác*** *(Hợp tác quốc tế, phối hợp thực hiện,..)*	
…… …… …… ……		
7.	**Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới**	
…… …… …… ……		
8.	**Kiến nghị**	
…… …… …… ……		

Chủ nhiệm nhiệm vụ *(Họ tên, chữ ký)*	***Thủ trưởng*** ***Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Mẫu 36

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ
(Phục vụ kiểm tra, đánh giá)

Nơi nhận báo cáo:

1. Vụ Khoa học và Công nghệ
2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

1.	**Tên nhiệm vụ:** .... Mã số: ..... Thuộc: - Chương trình:……..… - Độc lập: ☐ - Khác (nêu cụ thể):…….	2.	Ngày báo cáo .../ ..../20...
3.	**Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:** ……..		
	Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
4.	**Thời gian thực hiện**:...…..tháng, từ ..... /...../20….. đến …. ... /…../20….		
5.	**Tổng kinh phí thực hiện**:.....…….. triệu đồng Kinh phí từ NSNN:.……...……... triệu đồng Kinh phí từ nguồn khác:……... triệu đồng		
6.	**Phương thức thực hiện nhiệm vụ:** - Khoán từng phần: ☐ - Khoán đến sản phẩm cuối cùng: ☐		
7.	**Tình hình sử dụng kinh phí**		

7.1.Tình hình sử dụng kinh phí đến ngày báo cáo	
7.1.1. Nguồn từ ngân sách Nhà nước:	……..……. triệu đồng
a) Tổng kinh phí được cấp từ đầu đến đến hết kỳ báo cáo:	……..…. triệu đồng
Trong đó:	
+ Trước kỳ báo cáo:	……..….. triệu đồng
+ Trong kỳ báo cáo:	…… triệu đồng
b) Kinh phí đã chi cho các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo:	…..…….. triệu đồng
Trong đó:	
+ Phần kinh phí được giao khoán:	……..…….. triệu đồng
+ Kinh phí không giao khoán:	……..….. triệu đồng
c) Kinh phí đã ứng chi cho các nội dung , công việc đang triển khai:	……..…..…. triệu đồng
d) Kinh phí chưa sử dụng:	……...…..… triệu đồng
e) Kinh phí đã được đơn vị quản lý kinh phí kiểm tra xác nhận quyết toán từ đầu đến kỳ báo cáo:	……..…….. triệu đồng
Trong đó:	
+ Phần kinh phí được giao khoán:	……..…..…. triệu đồng
+ Kinh phí không giao khoán:	……...……. triệu đồng
g) Kinh phí đề nghị xác nhận quyết toán trong kỳ báo cáo:	……...……. triệu đồng
7.1.2. Nguồn khác:	……...……. triệu đồng
a) Kinh phí đã chi cho các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo:	……...……. triệu đồng
b) Kinh phí đã ứng chi cho các nội dung, công việc đang triển khai:	……...……. triệu đồng
c) Kinh phí đã được đơn vị quản lý kinh phí kiểm tra xác nhận từ đầu đến kỳ báo cáo:	……...……. triệu đồng
7.2.Tình hình sử dụng kinh phí theo các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo	

STT	Nội dung và công việc đã thực hiện	Kinh phí đã chi				Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách NN		Nguồn khác	
			Khoán	Không khoán		
7.2.1.	Tên nội dung 1 (ví dụ: đã hoàn thành 100% công việc)*					
7.2.2.	Tên nội dung 2: (ví dụ đã hoàn thành công việc a và b)					
	Tên công việc a:*					
	Tên công việc b:*					
7.2.3.	Tên nội dung 3:(ví dụ đã hoàn thành công việc a)					
	Tên công việc a:*					
7.2.4.						
	…..					
….	Mua sắm tài sản, thiết bị:					
…	Phụ cấp Chủ nhiệm:					
…	In ấn tài liệu					
….	Quản lý					
	……..					
	Tổng cộng					

7.3. Tình hình sử dụng kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị

7.3.1. Trong kỳ báo cáo:

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Tháng/năm đưa vào sử dụng	Số hiệu tài sản	Đơn vị (cái, chiếc)	Số lượng	Đơn giá tài sản (VN đồng)	Ghi chú
1								
2								
3								

7.3.2. Lũy kế từ khi thực hiện nhiệm vụ đến hết kỳ báo cáo:

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Tháng/năm đưa vào sử dụng	Số hiệu tài sản	Đơn vị (cái, chiếc)	Số lượng	Đơn giá tài sản (VN đồng)	Ghi chú
1								
2								
3								

8.	**Những vấn đề tồn tại cần giải quyết**
. . . . .	
9.	**Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới**
. . . . .	
10.	**Kiến nghị**
. . . . .	

Chủ nhiệm nhiệm vụ *(Họ tên, chữ ký)*	***Thủ trưởng*** ***Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*

Mẫu 37

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày…… tháng….. năm 20.....

BÁO CÁO SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ HOÀN THÀNH

Tên nhiệm vụ:.....
Mã số:…….....
Thuộc:
- Chương trình:……..…
- Khác (nêu cụ thể):…….

1. Trong kỳ báo cáo

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng theo hợp đồng	Số lượng đạt được	Mức chất lượng (các chỉ tiêu KT-KT) đạt được so với đăng ký trong hợp đồng
1	Tên sản phẩm 1				
2	Tên sản phẩm 2				
	…..				

2. Lũy kế từ khi thực hiện nhiệm vụ đến hết kỳ báo cáo

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng theo hợp đồng	Số lượng đạt được	Mức chất lượng (các chỉ tiêu KT-KT) đạt được so với đăng ký trong hợp đồng
1	Tên sản phẩm 1				
	…..				

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 38

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày…… tháng….. năm 20.....

BÁO CÁO SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG VÀO THỰC TẾ

Tên nhiệm vụ:.....
Mã số:…….....
Thuộc:
- Chương trình:……..…
- Khác (nêu cụ thể):…….

TT	Tên sản phẩm*	Địa chỉ ứng dụng (tổ chức, doanh nghiệp)	Quy mô, hiệu quả kinh tế - xã hội

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu 39

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

Tên nhiệm vụ:.....
.....

Mã số/số Hợp đồng .....

Thuộc:

- Chương trình:.....

- Độc lập: ☐

- Khác (nêu cụ thể):.....

Tổ chức chủ trì:.....

Chủ nhiệm:.....

Ngày tháng kiểm tra:.....

Địa điểm kiểm tra:.....

I. Thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá:

1. Đại diện Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- *Vụ Khoa học và Công nghệ:*

- *Vụ Kế hoạch - Tài chính:*

- *Thành phần khác:*

II. Đại diện Tổ chức chủ trì:

Lãnh đạo: .....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Các thành viên tham gia:

.....

.....

.....

III. Tài liệu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ chuẩn bị cho kiểm tra, đánh giá:

1. Báo cáo tiến độ thực hiện

2. Các sản phẩm hoàn thành.

3. Báo cáo sản phẩm ứng dụng.

4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.

IV. Nội dung kiểm tra, đánh giá:

1. Về nội dung và tiến độ thực hiện (nội dung và các sản phẩm):

- Nội dung, sản phẩm đã hoàn thành theo Báo cáo của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ (so sánh với tiến độ đã ghi trong các phụ lục của Hợp đồng).

- Xem xét những nội dung đã thực hiện đối với các sản phẩm chưa hoàn thành

.....

.....

.....

2. Về sử dụng kinh phí:

- Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm kiểm tra

+ Số kinh phí được cấp từ ngân sách sự nghiệp khoa học đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng, thanh toán tương ứng nội dung công việc: .....

.....

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng nhưng chưa thanh toán (tạm ứng): .....

.....

+ Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:

+ Kinh phí đề nghị chuyển sang năm sau *(nếu có)*:

- Tình hình mua sắm, sử dụng trang thiết bị phục vụ nghiên cứu của nhiệm vụ (nếu có)

.....

.....

- Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán (sẽ được kiểm tra và xác nhận cụ thể sau)

V. Các ý kiến trao đổi giữa thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Các ý kiến của thành thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Ý kiến giải trình và kiến nghị của Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện

.....

.....

.....

.....

.....

VI. Kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá

1- Về nội dung và tiến độ thực hiện:

.....

.....

.....

.....

2- Các sản phẩm đã hoàn thành (ở thời điểm kiểm tra, đánh giá):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3- Về sử dụng kinh phí.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4- Đề nghị đối với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản này được làm thành 4 Bản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường giữ 02 bản, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ giữ 02 bản.

……....., ngày……tháng…. năm 20…….....

Đại diện **Tổ chức chủ trì** *(Họ tên và chữ ký)*	**Trưởng đoàn** *(Họ tên và chữ ký)*	**Phó trưởng đoàn** *(Họ tên và chữ ký)*
Thành viên *(Họ tên và chữ ký)*	**Thành viên** *(Họ tên và chữ ký)*	**Thành viên** *(Họ tên và chữ ký)*

Phụ lục 1:

KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC TRONG KỲ BÁO CÁO

(*Kèm theo Biên bản kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ)*

TT	Nội dung công việc hoặc sản phẩm phải hoàn thành	Nhận xét về số lượng, khối lượng sản phẩm		Ghi chú
		Theo hợp đồng	Thực tế đạt được	
1	Nội dung:…			
1.1	Công việc:…			
1.2	…..			
n	Sản phẩm:…			
	…			

Phụ lục 2:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

(*Kèm theo Biên bản kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ)*

A. Kinh phí từ Ngân sách nhà nước:

	Nội dung	**Số tiền**	**Ghi chú**
I	**Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước :**		
II	**Kinh phí đã được cấp:**		
Đợt 1	Ngày tháng năm		
Đợt 2	Ngày tháng năm		
....			
III	**Kinh phí đã được thanh toán**		
Đợt 1	Ngày tháng năm		
Đợt 2	Ngày tháng năm		
....			
IV	**Kinh phí chưa được thanh toán (III-II)**		
V	**Kinh phí đề nghi thanh toán đợt này**		

STT	***Các sản phẩm, nội dung công việc hoàn thành được thanh toán/hồ sơ chứng từ thanh toán***	***Chứng từ chi***		***Mục, tiểu mục***	***Số tiền***	***Trong đó***		***Ghi chú***
		Số	***Ngày tháng***			***Khoán***	***Không khoán***	
1	Kinh phí lao động (phổ thông, khoa học,…)							
1.1.	……							
……	……							
2	Mua sắm tài sản, vật tư							
2.1.	…..							
….	…..							
3	Đoàn ra							
3.1.	….							
….	…..							

	Nội dung				**Số tiền**			**Ghi chú**
4	Các khoản chi khác							
4.1.	…..							
…	…..							
	Kinh phí đề nghị thanh toán theo mục, tiểu mục			.....				
				.....				
	Tổng cộng :							

B. Kinh phí ngoài Ngân sách nhà nước:

I. Tổng hợp chung								
STT	***Nội dung đăng ký sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước***	***Kinh phí đã phê duyệt***	***Nội dung thực tế sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước***	***Kinh phí đã được xác nhận chi***				***Ghi chú***
				Đợt 1	***Đợt 2***	***…***	***….***	
1	……							
2	……							
….	…..							
	Cộng:			***n1***	***n2***	***…***	***…***	***n= n1+n2+…***

II. Đề nghị xác nhận đợt này

STT	***Nội dung đăng ký sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước***	***Nội dung thực tế sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước***	***Chứng từ chi***		***Số tiền***	***Ghi chú***
1			***Số***	***Ngày, tháng, năm***		
2						
……						
	Cộng					

Mẫu 40

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ	*....., ngày.... tháng.... năm 20...*

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Thông tư số …/2025/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

……. (*tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*) đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ: .....

Mã số:.....

Hợp đồng số: .....

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ ..... đến .....

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ gồm:

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

2. Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Các sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

4. Các văn bản liên quan: Báo cáo thống kê; báo cáo kinh phí thực hiện nhiệm vụ; biên bản kiểm tra; báo cáo khoa học, kỹ thuật (nếu có); báo cáo định kỳ; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thuyết minh tổng thể nhiệm vụ đã được phê duyệt; số liệu gốc, nhật ký thí nghiệm, báo cáo khảo sát nước ngoài (nếu có), nhận xét của doanh nghiệp và địa phương (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm: 01 bộ hồ sơ gốc.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

Nơi nhận: - Như trên; - ……	**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Mẫu 41

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20…

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

.....

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*
- Khác *(ghi cụ thể)*:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1			
2			
…			

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1										
2										
….	….									

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

3.2. Hiệu quả xã hội

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu √ vào ô tương ứng*):

- *Nộp hồ sơ đúng hạn* ☐
- *Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* ☐
- *Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* ☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- *Xuất sắc* ☐
- *Đạt* ☐
- *Không đạt* ☐

Giải thích lý do:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM	**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**
(*Họ, tên và chữ ký*)	(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)

Mẫu 42

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Chữ in hoa đậm cỡ 14)
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(trang bìa)

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)

Tên đề tài/đề án/dự án SXTN (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)

Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)
Tổ chức chủ trì:
Chủ nhiệm:
Thời gian thực hiện:

ĐỊA DANH – 20.. (chữ in hoa cỡ chữ 14)

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

(cỡ chữ 14, in đậm)

Phông chữ đánh trong báo cáo: Cỡ chữ 13 - 14

TT	Họ và tên	Cơ quan/tổ chức
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		

Lời cảm ơn *(Viết không quá 1 trang - Nếu cần thiết)*

Tóm tắt kết quả thực hiện đề tài **(Cỡ chữ 14 in đậm)**

Nội dung: Cỡ chữ 13

(Nêu ngắn gọn và rõ ràng về mục đích, nội dung, phương pháp, kết quả và kết luận đã được trình bày trong báo cáo chính).

MỤC LỤC

(Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo cùng với số trang)

TT	Các danh mục trong báo cáo	Trang
	DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	
I	**ĐẶT VẤN ĐỀ**	
II	**MỤC TIÊU CUẢ ĐỀ TÀI**	
	CHƯƠNG I	
	TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	
I	**TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC**	
II	**TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC**	
	CHƯƠNG II	
	NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	
I	**NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**	
II	**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**	
III	**ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU**	
	CHƯƠNG III	
	KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	
I		
II		
III		
	CHƯƠNG IV	
I	**KẾT LUẬN**	
II	**ĐỀ NGHỊ**	
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	
	PHỤ LỤC VÀ ẢNH MINH HOẠ	
	CÁC PHỤ LỤC KHÁC	

BẢNG CHÚ GIẢI CÁC CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU, ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG, TỪ NGẮN, THUẬT NGỮ, DANH MỤC

CÁC SƠ ĐỒ BIỂU BẢNG (nếu có)

PHẦN CHÍNH CỦA BÁO CÁO

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

(Nêu rõ tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, phân tích những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, nêu những gì đã giải quyết, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hoá được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về KH&CN mà đề tài đặt ra nghiên cứu)

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI

(Đề tài nhằm giải quyết mục tiêu gì, thường có mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)

III. CÁCH TIẾP CẬN

(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)

CHƯƠNG I
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

I. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC

II. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

CHƯƠNG II
NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

I. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu
- Địa điểm nghiên cứu
- Thời gian nghiên cứu .

2. Nội dung nghiên cứu

- Nêu các nội dung nghiên cứu
- Nêu các thí nghiệm
- Nêu các chỉ tiêu theo dõi của mỗi thí nghiệm hoặc thu thập số liệu

3. Thời gian nghiên cứu

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Phương pháp thu thập số liệu

- Phương pháp phân tích số liệu

-Phương pháp đánh giá, so sánh.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

- Nêu đầy đủ kết quả theo các chỉ tiêu nghiên cứu (cố gắng trình bày dưới dạng bảng biểu, đồ thị).

- Phân tích các kết quả (So sánh với những kết quả trước (nếu có). Lý giải luận cứ khoa học của kết quả thu được. Làm rõ tại sao không phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây...).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Nêu những kết luận cơ bản ngắn gọn, tập trung vào trả lời cho mục tiêu nghiên cứu)

- Nêu các kiến nghị về sử dụng kết quả nghiên cứu, đề xuất kết thúc nghiên cứu hoặc các vấn đề cần nghiên cứu tiếp.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu tham khảo có liên quan (Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước, tiếng Anh sau)

*(Nên viết tài liệu tham khảo theo**"Hệ thống tài liệu tham khảo Harvard và Footnote"***

PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO

PHỤ LỤC VÀ ẢNH MINH HỌA

Mẫu 43

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Chữ in hoa đậm cỡ 14)
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(trang bìa)

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ (chữ in hoa đậm cỡ 18)

***Tên đề tài/đề án/dự án*: (viết chữ in hoa cỡ chữ 15)**

Cơ quan chủ quản: (Chữ thường cỡ 16)
Tổ chức chủ trì:
Chủ nhiệm:
Thời gian thực hiện:

ĐỊA DANH – 20.. (chữ in hoa cỡ chữ 14)

I. Đặt vấn đề

(Nêu ngắn gọn tính cấp thiết cuả đề tài/dự án cần đặt ra để nghiên cứu) (1 trang)

1. Mục tiêu của đề tài

(Đề tài nhằm giải quyết mục tiêu gì, thường có mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)

2. Cách tiếp cận

(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)

II. Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu (1- 1,5 trang)

a. Vật liệu nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu
- Địa điểm nghiên cứu
- Thời gian nghiên cứu .

b. Nội dung nghiên cứu

- Nêu các nội dung nghiên cứu
- Nêu các thí nghiệm
- Nêu các chỉ tiêu theo dõi của mỗi thí nghiệm hoặc thu thập số liệu

c. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp bố trí thí nghiệm
- Phương pháp thu thập số liệu
- Phương pháp phân tích số liệu
- Phương pháp đánh giá, so sánh.

III. Kết quả và thảo luận (8- 10 trang**)**

- Nêu tóm tắt quả theo các chỉ tiêu nghiên cứu

- Phân tích các kết quả ngắn gọn so sánh với những kết quả trước (nếu có). Lý giải luận cứ khoa học của kết quả thu được. Làm rõ tại sao không phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây...).

IV. Kết luận và đề nghị (1 trang)

- Nêu những kết luận cơ bản ngắn gọn, tập trung vào trả lời cho mục tiêu nghiên cứu)

- Nêu các kiến nghị về sử dụng kết quả nghiên cứu, đề xuất kết thúc nghiên cứu hoặc các vấn đề cần nghiên cứu tiếp.

PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO (đưa ra một số phụ lục nếu thấy cần thiết)

Mẫu 44

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ

Ủy viên phản biện: ☐

Ủy viên: ☐

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Thuộc:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Chuyên gia nhận xét:

Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày…… tháng…… năm 201…*

3. Nhận xét:

3.1.Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; tác động của kết quả đối với kinh tế, xã hội; mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v. Để kết luận, chuyên gia chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu.

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4a quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3.2. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.4. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ chủ trì nhiệm vụ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)

.....

.....

.....

.....

3.5. Về tiến độ thực hiện:

(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)

.....

.....

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4a quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

.....

.....

.....

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc ☐

Lý do cụ thể:

.....

.....

.....

Đạt ☐

Lý do cụ thể:

.....

.....

.....

Không đạt ☐

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

.....

.....

.....

5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết *(bắt buộc):*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4a quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Mẫu 45

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ- LĨNH VỰC KINH TẾ CHÍNH SÁCH

Ủy viên phản biện: ☐

Ủy viên: ☐

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên, mã số nhiệm vụ:

2. Ngày nhận xét:

3. Họ và tên người nhận xét:

II. PHẦN NHẬN XÉT:

(Trình bày quan điểm và ý kiến riêng của người nhận xét theo các tiêu chí tương ứng với từng sản phẩm cụ thể)

1. Ý kiến nhận xét Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về thành công và hạn chế:

- Tổng quan các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng vào các báo cáo khoa học của nhiệm vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Về khái niệm, thuật ngữ và văn phong trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Về cấu trúc nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Về phân tích, lập luận khoa học của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu nhiệm vụ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Ý kiến nhận xét về sản phẩm khoa học của nhiệm vụ:

2.1. Ý kiến nhận xét về từng sản phẩm (*Kiến nghị khoa học; dự báo khoa học; giải pháp khoa học; đề án quy hoạch, tổ chức, phát triển kinh tế - xã hội; mô hình tổ chức, quản lý, phát triển xã hội; hình thức khác*):

a) Về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt đối với sản phẩm:

- Xác định tên, nội dung của sản phẩm rõ ràng, cụ thể;
- Xác định đối tượng, địa chỉ và nơi tiếp nhận rõ ràng, cụ thể;
- Có cơ sở khoa học và thực tiễn;
- Có ý nghĩa tác động đến phát triển kinh tế-xã hội;
- Xác định rõ phương án, lộ trình về tổ chức, thực hiện.
- Có tính hiện thực và khả thi trong việc ứng dụng, chuyển giao;

b) Về giá trị khoa học; về giá trị thực tiễn của từng sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.2. Ý kiến nhận xét về từng sách khoa học xuất bản (nếu có):

(*Về tính mới; đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học*)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2.3 Ý kiến nhận xét về từng bài báo trên tạp chí khoa học (nếu có):

(*Về tính mới; đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học*)

.....

.....

.....

.....

.....

2.4. Ý kiến nhận xét về từng kết quả đào tạo cán bộ khoa học (nếu có):

(Đánh giá đạt yêu cầu khoa học hoặc không đạt yêu cầu khoa học)

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Ý kiến nhận xét về tiến độ thực hiện nhiệm vụ:

(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)

4. Kết luận chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ

a) Về những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ:

- Cơ sở khoa học và tính trung thực của từng kết quả nghiên cứu mới:

- Giá trị khoa học và đóng góp của kết quả nghiên cứu mới vào việc phát triển lý thuyết, lý luận hiện có:

- Giá trị thực tiễn và dự kiến triển vọng tác động xã hội từ kết quả nghiên cứu mới của nhiệm vụ:

b) Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại xuất sắc bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại không đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây và Nêu cụ thể những nội dung đã thực hiện so với hợp đồng, những nội dung chưa thực hiện so với hợp đồng :

5. Kiến nghị của thành viên Hội đồng:

a) Đề nghị Hội đồng khoa học kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiệm thu các sản phẩm khoa học dưới đây:

b) Đề nghị Hội đồng khoa học đề xuất (địa chỉ) cơ quan tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ:

(Nêu cụ thể nội dung kết quả nghiên cứu, tên sản phẩm sẽ chuyển giao đến những cơ quan, địa chỉ áp dụng cụ thể)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Nội dung Phiếu nhận xét theo Mẫu 4b quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Mẫu 46

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Ủy viên phản biện: ☐

Ủy viên: ☐

1. Thông tin chung về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:
- Mã số nhiệm vụ:
- Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Thuộc Chương trình:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*
- Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày… tháng…… năm 201…*

Nội dung Phiếu đánh giá theo Mẫu 7 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

3. Đánh giá:

a. Đánh giá báo cáo tổng hợp:

Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, Điều 12 ☐

Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện ☐

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên ☐

b. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng sản phẩm					Ghi chú *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)*
		Theo đặt hàng	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Đạt	Xuất sắc	Không đạt	
1	*Sản phẩm thứ 1*						
2	*Sản phẩm thứ 2*						
…	.....						

c. Đánh giá về chất lượng sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Chất lượng					Ghi chú *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)*
		Theo đặt hàng	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Đạt	Xuất sắc	Không đạt	
1	*Sản phẩm thứ 1*						
2	*Sản phẩm thứ 2*						
…	……						

d. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:

Xuất sắc: Khi số lượng chủng loại vượt mức theo đặt hàng ☐

Đạt: Khi số lượng chủng loại đủ theo đặt hàng ☐

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng ☐

e. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:

Nộp đúng hạn: ☐

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng: ☐

Nộp chậm trên 06 tháng: ☐

4. Xếp loại nhiệm vụ *(đánh dấu* X *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

• **Xuất sắc**: ☐

Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên

• **Đạt yêu cầu***: đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau* ☐

+ Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.

+ Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức "Đạt" trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).

+ Báo cáo tổng hợp đạt mức "Đạt" trở lên

• **Không đạt**: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng ☐

5. Ý kiến đánh giá khác *(nếu có):*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Nội dung Phiếu đánh giá theo Mẫu 7 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Mẫu 47

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ CẤP BỘ

1. Thông tin chung:

- Tên nhiệm vụ:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Kết quả đánh giá, xếp loại nhiệm vụ:

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

Họ và tên thành viên Hội đồng	Kết quả đánh giá			Ghi chú
	Đạt	Xuất sắc	Không đạt	
Thành viên 1				
……..				
Tổng số:				

3. Xếp loại nhiệm vụ *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)***:**

Xuất sắc: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt"; ☐

Không đạt: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức "Không đạt". ☐

Đạt yêu cầu: Không thuộc 2 trường hợp trên ☐

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN TỔ KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 48

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ CẤP BỘ	*....., ngày.... tháng.... năm 20....*

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ CẤP BỘ

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

Số: /QĐ- ngày …/…./201… của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1		
2		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

Sau khi Ông/Bà ..... đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp,

Theo Mẫu 9 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

- Thông qua chương trình làm việc của hội đồng;

- Bầu……..……..…….. là thư ký khoa học

- Bầu ……..……..…….. là thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);

- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

5.2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm theo mẫu.

5.3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

Theo Mẫu 9 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau *(đánh √vào ô tương ứng)*:

☐ Xuất sắc ☐ Đạt ☐ Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại *(chọn √ vào ô tương ứng và luận giải)*:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "xuất sắc" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại "không đạt" bởi những lý do cụ thể dưới đây:

-

-

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

b) Bộ chủ trì nhiệm vụ nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú

c) Chuyển giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ..... ngày..... tháng..... năm....

THƯ KÝ KHOA HỌC	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Theo Mẫu 9 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Thư ký khoa học ghi chép đầy đủ ý kiến của từng thành viên Hội đồng và đại biểu dự họp)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Theo Mẫu 9 quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Mẫu 49

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày.... tháng.... năm 20….

BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: *ngày ... /.... /20…*

Kết thúc: *ngày ... /.... /20….*

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng cấp quốc gia:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp quốc gia)*

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ (nếu có):

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ *(Họ, tên và chữ ký)*	**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG** *(Họ, tên và chữ ký)*

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ, tên và chữ ký và đóng dấu)

Mẫu 50

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Căn cứ Thông tư số .../.../TT-BNNMT ngày.... tháng.... năm…. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ được thành lập kèm theo Quyết định số ..../QĐ- ngày.... tháng.... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ "……..", mã số.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Tổ chức chủ trì: .....

Xếp loại: .....

Điều 2. *(Đối với nhiệm vụ "đạt" trở lên)* Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

(Đối với nhiệm vụ "không đạt") Đơn vị quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ …., Thủ trưởng Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, …..

BỘ TRƯỞNG

Mẫu 51

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…. tháng…. năm….

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH TRONG NĂM……..

STT	**Nội dung**	**Tổng số**	**Sử dụng ngân sách nhà nước**				**Không sử dụng ngân sách nhà nước**
			Cấp quốc gia	Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
A	**Tổng số**						
I	Số lượng nhiệm vụ						
II	Kinh phí (triệu đồng)						
2.1	*Ngân sách nhà nước*						
2.2	*Nguồn tự có của tổ chức*						
2.3	*Nguồn khác*						
B	**Chia theo lĩnh vực nghiên cứu**						
I	Khoa học tự nhiên						
1.1	Số lượng nhiệm vụ						
1.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						
II	Khoa học kỹ thuật-công nghệ						
2.1	Số lượng nhiệm vụ						

STT	Nội dung	Tổng số	Sử dụng ngân sách nhà nước				Không sử dụng ngân sách nhà nước
			Cấp quốc gia	Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						
III	Khoa học nông nghiệp						
3.1	Số lượng nhiệm vụ						
3.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						
IV	Khoa học y-dược						
4.1	Số lượng nhiệm vụ						
4.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						
V	Khoa học xã hội						
5.1	Số lượng nhiệm vụ						
5.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						

STT	Nội dung	Tổng số	Sử dụng ngân sách nhà nước				Không sử dụng ngân sách nhà nước
			Cấp quốc gia	Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
VI	Khoa học nhân văn						
6.1	Số lượng nhiệm vụ						
6.2	Kinh phí (triệu đồng)						
	Ngân sách nhà nước						
	Nguồn tự có của tổ chức						
	Nguồn khác						

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu 52

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO ỨNG DỤNG KẾT QUẢ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN SXTN/DỰ ÁN KHCN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Nội dung báo cáo theo các Mẫu:

Mẫu 15 quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN, ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mẫu 12 quy định tại Thông tư 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Nơi nhận: - Như trên; - ……	**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Mẫu 53

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…….. tháng…….. năm 20……..

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN 1……..
Số: ..…….

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BKHCN ngày..... tháng.... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ";

Căn cứ ……..*(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)*

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ)

- Do Ông/Bà:.....
- Chức vụ:.....làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:…… Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

- Do Ông/Bà:.....
- Chức vụ:.....làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:…… Email:.....
- Số tài khoản: .....
- Tại: .....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện....2 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm"..."3 theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là…… tháng, từ tháng……. năm 20…….. đến tháng..... năm 20…….

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo hình thức4: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là…… (bằng chữ……), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:……. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí khoán:……. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí không giao khoán:……. (bằng chữ…..)5

- Kinh phí từ nguồn khác:……. (bằng chữ…..)6.

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt" thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....[7] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc ….[8] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng

nhằm thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....[9] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc ….[10] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng[11]

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên

có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)12.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày …….. Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

BÊN A (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	**BÊN B** (Bên nhận đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

Ghi chú tại Hợp đồng:

1 Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

2 Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

3 Ghi tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4 Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

5 Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

6 Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

7, 8, 9, 10 Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

11 Bỏ nội dung này đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

12 Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

Mẫu 54

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày…….. tháng…… năm 20……..

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN[1]…….
Số: …….

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số ...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ …….*(Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ này)*

Căn cứ Hợp đồng[2] ……..số…….. ngày……..

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A) là: (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà .....
- Chức vụ: …….làm đại diện.
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:…… Email: .....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là: (Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

- Do Ông/Bà: .....
- Chức vụ: ……làm đại diện.
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: …… Email: .....
- Số tài khoản: .....
- Tại: .....

---

[1] Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

[2] Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng ……[3] số …..ngày…… (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "….."[4], theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng ... năm 200...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ngày....tháng….. năm 20…. *(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu).*

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại Cơ quan thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. *(Kèm theo Bản sao Biên nhận, xác nhận đã thực hiện đăng ký, giao nộp).*

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số .... *(Kèm theo Danh mục liệt kê).*

5. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết)*

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "…..", theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng... năm 200...

2. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "……." được xác nhận là không hoàn thành *(Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự*

---

[3] Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

[4] Ghi tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

án sản xuất thử nghiệm hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).*

Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:... triệu đồng.

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: …. triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là:…… triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:…… triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:.... triệu đồng *(Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)*

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước *(Kèm theo tài liệu xác nhận)*

Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm *(áp dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành và không hoàn thành)*

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm *(Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ …. bản.

BÊN A	**BÊN B**
(Bên đặt hàng)	(Bên nhận đặt hàng)
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu 55

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày…. tháng…. năm 20...

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CƠ SỞ
(Dùng cho Đề tài khoa học và công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ:

2. Loại hình nhiệm vụ:

- Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ ☐
- Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ☐
- Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
- Độc lập. ☐

3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: *(Giải trình căn cứ theo quy định tại Điều ..., Thông tư số .../TT-BNNMT ngày... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*

5. Mục tiêu:

6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:

7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:

9. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

10. Danh mục tài liệu tham khảo: *(Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)*

11. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân……; Mã định danh điện tử của tổ chức/ số định danh cá nhân:……..; Điện thoại …….; Email ……..; Địa chỉ liên hệ:…….

	..., ngày... tháng... năm 20...
CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT *(Họ, tên, chữ ký)*	**TỔ CHỨC** (*Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức*)

Mẫu 56

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới năm 20…

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 26/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư .../2025/TT-BNNMT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ mở mới năm 20.... đối với các lĩnh vực..... thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số ...../QĐ-BNNMT ngày.... tháng.... năm 20.... của.....;

Theo đề nghị của Vụ trưởng .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mở mới năm 20…. thuộc lĩnh vực chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chi tiết Danh mục nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao ..... và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ thuyết minh, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí, trình phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng ....; ..... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**BỘ TRƯỞNG**
- Như Điều 3;	*(Ký tên và đóng dấu)*
- Các .....;	
- Lưu VT, Hồ sơ, KHCN, ….	

Phụ lục ….

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ MỞ MỚI NĂM 20…..

Lĩnh vực XXXXX

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-..... ngày.... tháng.... năm 20…… của.....)

TT	**Tên nhiệm vụ**	**Định hướng mục tiêu**	**Yêu cầu đối với kết quả**	**Kinh phí** (triệu đồng)	**Phương thức tổ chức thực hiện**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Mã số NNMT.20…. Tên nhiệm vụ	1…... 2. ……	1. ….. 2. …; 3. …. n. …….	... triệu đồng	Tuyển chọn hoặc giao trực tiếp

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn